

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2020/HNGĐ-ST
Ngày 26-8-2020.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Thường.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Nhung.
2. Ông Mai Trương Huy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Minh, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 218/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà và ông Nguyễn Đình H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 15-10-2002.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H thiếu trách nhiệm với gia đình, không tin tưởng, tôn trọng vợ, con vì vậy vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát. Mâu thuẫn vợ chồng

ngày càng trầm trọng nên đã ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Từ khi ly thân vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu tòa án xem xét cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 08-6-2003 và Nguyễn Đình Q, sinh ngày 10-5-2009. Hiện các con sống với bà. Bà có công việc ổn định, mức thu nhập khoảng 6.000.000đ/tháng (sáu triệu đồng), có thời gian chăm sóc các con. Tại đơn khởi kiện, bà yêu cầu ông Nguyễn Đình H cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.500.000 đồng/tháng (một triệu năm trăm ngàn đồng) cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi, nay bà không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Đình H trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà P có chung sống, đăng ký kết hôn, như bà P trình bày. Vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do kinh tế khó khăn, vợ chồng không thông cảm, không chia sẻ để vượt qua khó khăn dẫn đến cãi vã nhau. Từ đầu năm 2020 đến nay, vợ chồng sống ly thân. Nay bà P yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Khi ly hôn, ông không đồng ý giao con chung Nguyễn Đình Q cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Hiện nay, ông làm thợ cơ khí tại Công ty thép M, mức thu nhập là 5.700.000đ/tháng, thời gian làm việc 8h/ngày, giờ hành chính; ông thuê nhà trọ sinh sống tại tổ A, khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Từ khi vợ chồng ly thân, ông có thăm nom con, không chu cấp tiền chăm sóc con; bà P chăm sóc và đưa đón cháu Q đi học.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông H là phù hợp quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe

ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Nguyễn Đình H nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại thị xã Phú Mỹ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông H là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật:

Sự kiện pháp lý xảy ra vào năm 2020, quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” nên áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở để xác định: Bà P và ông H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 15-10-2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh T nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai của bà P tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định giữa bà P và ông H có phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông H đồng ý ly hôn. Khi Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử, ông có nộp đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, lý do là ông có nguyện vọng đoàn tụ gia đình.

Xét thấy, từ thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập các bên để tiến hành phiên hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà P vẫn giữ yêu cầu ly hôn, mặt khác bản thân ông H không có biện pháp gì để vợ chồng đoàn tụ, bỏ mặc tình cảm vợ chồng, không tham gia phiên tòa giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, mặc dù đã được Hội đồng xét xử động viên đoàn tụ gia đình nhưng bà P cương quyết yêu cầu ly hôn với ông H.

Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà P, ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà P đối với ông H.

[3.2] Về con chung:

Khi ly hôn, bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Xét thấy, hiện bà P hiện có việc làm ổn định, có thu nhập, có thời gian chăm sóc con; bản thân cháu Q còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của người mẹ, mặt khác, từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu Q sống với mẹ, được cho đi học đầy đủ; cháu Q cũng có nguyện vọng sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử quyết định giao hai con chung là Nguyễn Thị H và Nguyễn Đình Q cho bà P trực tiếp nuôi cho đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do bà P không yêu cầu nên ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối với ông Nguyễn Đình H về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Đình H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 08-6-2003 và Nguyễn Đình Q, sinh ngày 10-5-2009 cho bà Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Đình H không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án

phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001056 ngày 11-5-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Bà Nguyễn Thị P đã nộp xong án phí.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Nơi ĐKKH: UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Bùi Xuân Thường